TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 66/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21-11-2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Hồng

2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 288/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lâm Thị T, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Tổ 05, ấp 09, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn*: Anh Lâm L, sinh năm 1989 .

Nơi cư trú: Tổ 07, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 7 năm 2018, bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Lâm Thị T trình bày:

Chị Lâm Thị T và anh Lâm L chung sống với nhau từ năm 2004, đến năm 2010 thì chị T và anh L mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước, theo giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01/2010 cấp ngày 01/3/2010; được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới; sau khi kết hôn

thì chị T và anh L sinh sống tại ấp ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã nhau, ngoài ra chị T và anh L không có con chung với nhau nên cũng từ đó mà mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên đến tháng 3/2018 vợ chồng sống ly thân, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm gì đến ai; xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nên chị Lâm Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Lâm L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không đặt ra để giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của anh Lâm L ngày 18/9/2018 anh L trình bày:

Anh L và chị T chung sống với nhau vào năm 2004, đến năm 2010 thì vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước, sau khi kết hôn thì vợ chồng sinh sống tại ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; vợ chồng chung sống hạnh phúc được 14 năm thì chị T làm đơn xin ly hôn, theo anh L thì vợ chồng không có gì mâu thuẫn lớn, chỉ cải nhau một lần sau đó chị T bỏ về nhà mẹ đẻ của chị T tại ấp 9, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước sinh sống cho đến nay; nay chị T làm đơn xin ly hôn thì anh L không đồng ý vì cho rằng anh vẫn còn thương vợ. Quá trình chung sống với chị T anh và chị không có con chung, không có tài sản chung và không cho ai vay nợ, cũng không vay nợ ai.

Sau khi Tòa án đã thụ lý đơn kiện xin ly hôn của chị Lâm Thị T, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh L nhiều lần đến tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng mặt dù anh L đã nhận được các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh L không đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ việc; tại phiên tòa anh L cũng vắng mặt.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự và các thành phần tham gia tố tụng khác đúng theo quy định và đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình tố tụng; bị đơn không tham gia tố tụng là không thực hiện đúng theo quy định về sự có mặt của bị đơn nên từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa; do bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự tại phiên tòa xác định tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh L mâu thuẫn trầm trọng thể hiện chị T và anh L đã ly thân thời gian dài, không còn quan tâm gì đến nhau nữa, việc này tuy địa phương xác nhận không xác định được mâu thuẫn của vợ chồng nhưng quá trình hòa giải đoàn tụ anh L không có mặt thể hiện anh L không còn quan tâm gì đến tình cảm vợ chồng, không muốn hòa giải đoàn tụ, tại phiên tòa anh L cũng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án xem như anh từ bỏ quyền L của mình tại phiên tòa; căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T cho chị T được ly hôn với anh L.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: các đương sự khai không có nên đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: chị Lâm Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lâm L, anh Lâm L có nơi cư trú tại tổ 7, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Sau khi thụ lý vụ án và lấy được lời khai của anh L, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L nhưng anh L không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh L cũng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Lâm L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lâm Thị T và anh Lâm L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2004, đến năm 2010 có ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại điều 9 và điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay chị Lâm Thị T xác nhận đời sống chung không hạnh phúc, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ngoài ra do vợ chồng không có con chung nên thường xuyên cải vã nhau, mục đích hôn nhân không đạt được; đến năm 2017 thì chị T và anh L tự sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai

nấy sống; nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị Lâm Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Lâm L.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo biên bản xác minh ngày 23/10/2018 được ấp trưởng ấp S, xã T cho biết mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh L thì địa phương không biết việc mâu thuẫn dẫn đến việc chị T làm đơn xin ly hôn với anh L, tuy nhiên hiện nay chị T và anh L đã sống ly thân, quá trình giải quyết vụ án anh L đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, và các văn bản tố tụng về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L cố tình không đến dự các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ, điều này cho thấy ông L không có thiện chí muốn hàn gắn lại hôn nhân giữa chị T và anh L. Do vậy Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã trầm trọng; để ổn định cuộc sống cho các bên sau này cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lâm Thị T; cho chị T ly hôn với anh Lâm L.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, khoản 3 Điều 228 và Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị T.

Chị Lâm Thị T được ly hôn với anh Lâm L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 10/KH, quyển số 01/2010 cấp ngày 10/3/2010, do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Lâm Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 004800 ngày 05/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Đình Học

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Đương sự;
- Nơi cấp GĐK kết hôn;
- Lưu: HS, VT.